TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2017
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Xuyến;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Bình,

2. Ông Vũ Đình Bảng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bị đơn: Ông Đoàn Quang T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn (bà Phạm Thị T) trình bày:

Bà và ông Đoàn Quang T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 23/02/2004. Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên bất hòa, không hạnh phúc. Ngày 24/10/2015, ông T viết đơn ly hôn, yêu cầu bà T ký, bà đã ký vào đơn nhưng ông Thời lại xé bỏ đơn nên bà đã bỏ về quê tại thôn T, xã T, huyện Tiên Lãng sinh sống; ông bà sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Trong thời gian sống ly thân, ông

Thời nhiều lần đến yêu cầu bà trở về đoàn tụ nhưng bà không đồng ý. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, bà T yêu cầu được ly hôn ông T. Ông bà không có con chung và tự thỏa thuận về tài sản, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự và biên bản hòa giải, bị đơn (ông Đoàn Quang T) trình bày:

Những nội dung bà T trình bày về thời gian, địa điểm kết hôn giữa ông bà là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bà T thay đổi, không quan tâm, chăm sóc ông khi ông ốm đau; ông bà ít quan tâm đến nhau. Ngày 24/10/2015, bà T bỏ về quê tại thôn T, xã T, huyện Tiên Lãng sinh sống, ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Ông T tìm gặp, yêu cầu bà T trở về đoàn tụ nhưng bà T không đồng ý. Xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, mong muốn được đoàn tụ nên ông T không đồng ý ly hôn. Ông bà không có con chung và tự thỏa thuận về tài sản, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông T và bà T là do ông bà không hợp nhau, ông Thời nghi ngờ tình cảm của bà T. Do mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 10/2015, bà T bỏ về quê (ở thôn T, xã T) sinh sống, ông bà sống ly thân nhau từ đó đến nay.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông T vắng mặt không có lí do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ; mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng. Phiên toà được mở đúng thời gian, địa điểm ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho bà T được ly hôn ông T. Các đương sự không có con chung và tự thỏa thuận về tài sản, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đoàn Quang T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Thời.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Đoàn Quang T được xác lập từ ngày 23/02/2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Ông bà chung sống hòa thuận được thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, kéo dài dẫn đến việc bà T bỏ về quê ở thôn T, xã T sinh sống; ông bà sống ly thân từ tháng 10/2015 đến nay, không quan tâm đến nhau. Mặc dù ông T nhiều lần gặp, yêu cầu về đoàn tụ nhưng bà T không đồng ý. Lời khai của bà T về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ông bà sống ly thân hoàn toàn phù hợp với lời khai người làm chứng; phù hợp với lời thừa nhận của ông T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà T, ông Thời đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, cần được chấp nhận và xử cho bà được ly hôn ông Thời là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Các đương sự cùng xác nhận không có con chung.

[4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Thời phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn ông Đoàn Quang T.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002912 ngày 06/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã T, huyện Tiên Lãng; thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Xuyến